TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2020/HSPT
Ngày 25/02/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hồng P;
- Các Thẩm phán: + Bà Đào Thị Minh T;
+ Bà Nguyễn Thị Thanh X.
- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Thanh H, Thư ký của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang H - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25/02/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh N, xét xử phúc thẩm C khai vụ án hình sự thụ lý số 579/2019/TLPT-HS ngày 26 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Lê Hồng N, Kha Văn C phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy", do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 45/2019/HS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh N.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Hồng N; tên gọi khác: không; sinh ngày 20 tháng 2 năm 1977; địa chỉ cư trú tại xóm 4, xã H, huyện T, tỉnh N; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa phổ thông: lớp 12/12; con ông Lê Nguyên T (đã chết) và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1942; vợ thứ nhất: Phạm Thị Kiều O, sinh năm 1976 (đã ly hôn); vợ thứ hai: Trần Thị N, sinh năm 1983; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/11/2018, có mặt tại phiên tòa.

2. Kha Văn C; tên gọi khác: không; sinh ngày 07 tháng 10 năm 1983; địa chỉ cư trú tại bản N, xã N, huyện T, tỉnh N; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa phổ thông: lớp 10/12; con ông Kha Căm V và bà Lo Thị T (đều đã chết); vợ L Mộng Thị K, sinh năm 1982; có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/07/2018; có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo không kháng cáo:

3. Quang Văn L; tên gọi khác: không; sinh ngày 20 tháng 7 năm 1994; địa chỉ cư trú tại bản T, xã T, huyện T, tỉnh N; dân tộc: Thái; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa phổ thông: 9/12; con ông Quang Văn H và bà Lo

Thị H; vợ L Lô Thị Việt T; có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/07/2018 đến nay.

Người bào chữa:

1. Ông Mai Sỹ L L Luật sư của Văn phòngluật sư Q và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh N, bào chữa bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị cáo Lê Hồng N, có mặt tại phiên tòa.

2. Bà Trần Thị A L Luật sư của C ty luật S thuộc Đoàn luật sư tỉnh N bào chữa bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị cáo Kha Văn C, có mặt tại phiên tòa.

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án hình sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 04/7/2018 tại khu vực đường mòn H thuộc xã T, huyện T, tỉnh N, Tổ C tác của Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy C an tỉnh N bắt quả tang Kha Văn C, sinh năm 1983, trú tại xã N, huyện T, tỉnh N và Quang Văn , sinh năm 1994, trú tại xã T, huyện T, tỉnh N đi trên xe ô tô BKS 37C - 267.76 do C điều khiển, đang có hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy, thu giữ tại ghế phụ phía sau có 19 bánh chất bột nén màu trắng và 04 gói nilon chứa các hạt tinh thể màu trắng (nghi L ma túy). Kha Văn C và Quang Văn L khai nhận số ma túy trên C và L đi mua của người Lo về giao cho Lê Hồng N, sinh năm 1977, trú tại xã H, huyện T, tỉnh N.

Ngày 20/9/2018, Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can, ra lệnh bắt tạm giam đối với Lê Hồng N về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" nhưng N bỏ trốn; ngày 03/11/2018 bị bắt theo quyết định truy nã.

Quá trình điều tra xác định được như sau:

Trong thời gian Lm việc tại Lo, Kha Văn C quen một người Lo tên L Pà C (không rõ lai lịch địa chỉ), người này nhờ C tìm mối tiêu thụ ma túy. Vào dịp tết năm 2017 C có hỏi Quang Văn L (cháu gọi C bằng Dượng): "Cháu biết ai mua hồng phiến thì giới thiệu cho dượng" lúc này L chưa trả lời C. Đến khoảng đầu tháng 5 năm 2018 L nói với Lê Hồng N "Có người hỏi chỗ tiêu thụ hồng phiến". N nói với L "Để anh hỏi ông anh xem sao". Khoảng 2 - 3 ngày sau, N gọi điện nói với L: "Hỏi người có ma túy giá bán các loại ma túy báo cho N". L gọi điện cho C hỏi giá bán các loại ma túy. C gọi điện cho Pà C hỏi giá bán các loại ma túy. Pà C cho C biết giá bán 01kg ma túy đá L 6.200 USD (Sáu nghìn hai trăm đô la Mỹ), 01 cặp Heroine L 11.000 USD (Mười một nghìn đô la Mỹ), 01 gói hồng phiên L 2.700.000 đồng (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng). Sau khi biết giá bán các loại ma túy, C hẹn gặp L tại ngã năm xã H, huyện T. C đưa cho L một tờ giấy bên trong ghi giá các loại ma túy và nói với L đưa về cho người mua ma túy. L cầm tờ giấy ghi giá các loại ma túy đưa về cho N. N mở tờ giấy ra đọc rồi nói L gọi người bán ma túy đến nhà N để trao đổi cụ thể. L gọi điện cho C đến nhà N, khi C đến thì N và C nhận ra L người quen biết. N đưa C và L

vào trong nhà chính. Tại đây N và C bàn bạc với nhau việc mua bán ma túy, N nói với C giá ma túy N tiêu thụ được L 01 kg ma túy đá giá 6.800 USD (Sáu nghìn tám trăm đô la Mỹ), 01 cặp Heroine L 12.000 USD (Mười hai nghìn đô la Mỹ). C chịu trách nhiệm cầm tiền đi mua ma túy của người Lo về giao cho N. L đi cùng C để vận chuyển ma túy. N chịu trách nhiệm đưa ma túy đi tiêu thụ. Số tiền lời có được sau khi bán ma túy N sẽ chia cho C và L. Khoảng 01 tuần sau có một người tên Ng, trú tại xã T, huyện Y đến nhà N hỏi có chỗ nào để mua được ma túy không. N nói với N có người đang cần bán ma túy, sau đó Ng đi về. Khoảng đầu tháng 6 năm 2018, Ng gọi điện cho N đến nhà Ng để trao đổi. Vào buổi tối (không rõ ngày cụ thể) Lê Hồng N chở Quang Văn L đến nhà Phạm Văn Ng, sinh năm 1973, trú tại xã T, huyện Y. N gặp Ng trao đổi giá bán các loại ma túy, N nói với Ng giá ma túy đá L 8000 USD/1kg, heroine L 6.000 USD/1 bánh, Ng đồng ý. Trao đổi xong thì N và L ra về. Đến giữa tháng 6 năm 2018 Ng cùng Trần Đức Q, sinh năm 1988, trú tại xã T, huyện Y đến nhà N. Tại đây Q gặp riêng N xin số điện thoại để liên lạc. Khoảng 1 tuần sau, Qugọi điện cho N nói đến đầu tháng 7 nhờ N lấy cho ít "hàng" (ma túy). N trả lời đến lúc đó rồi tính.

Lần thứ nhất: Vào một buổi tối giữa tháng 6/2018 (không rõ ngày), tại nhà Lê Hồng N, N nói với Kha Văn C mua cho N 01 kg ma túy đá và 08 gói ma túy hồng phiến bán kiếm lời, C đồng ý. N đưa cho C 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) để mua ma túy. C nhận tiền xong thì Quang Văn L đi vào nhà gặp N và C tại hành lang sau cửa nhà, N nói với L "Mi đi cùng dượng C bốc về cho anh 2 cục đá thạch anh, anh cho hai đứa 10 triệu", L đồng ý. Sau đó Kha Văn C điều khiển xe ô tô BKS 37C - 267.76 chở L đi lên cửa khẩu Cầu Tr, huyện H, tỉnh H gặp P. Khoảng 1 đến 2 giờ sáng đến cửa khẩu, C nói L ở trên xe chờ C, còn C đi gặp P lấy ma túy. C đưa cho P 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), P đưa cho C 01 túi nilon màu đen bên trong đựng 1kg ma túy đá và 08 gói hồng phiến. Nhận ma túy xong, C quay lại xe ô tô mở cửa sau bên trái vứt vào ghế nơi L đang nằm và tiếp tục điều khiển xe quay về. Đi được một đoạn thì L nhìn vào túi nilon C vừa bỏ lên xe cạnh chân mình thấy có 01 túi nilon in hình lá chè bên ngoài và một gói nhỏ bên cạnh, L hỏi C sao đi lấy chè mà đi xa thế này, "đá" ở đâu? C nói với L "đá' ở đây L ma túy đá. Lúc này L biết rõ N bảo L đi cùng C để mua ma túy đá về cho N. L không nói gì nữa mà nằm ngủ ở ghế sau. Khi xe đi qua Đồn biên phòng N thì C bảo L đưa túi nilon ma túy cho C để C bỏ ở ghế trước bên phụ. L đưa ma túy cho C xong tiếp tục nằm ngủ. Đến khoảng 04 giờ sáng, khi đi về đến ngã ba T, huyện T, tỉnh N, C và L gặp N đi xe ô tô ngược chiều đang nháy đèn. Sau đó, C dừng xe lấy túi nilon ma túy đưa cho N qua cửa kính xe ô tô, rồi lái xe chở L về nhà N. Sáng ngày hôm sau, N về nhà đưa cho L 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền C. Đến trưa

cùng ngày C đến nhà N, N đưa cho C 5.000.000 đồng tiền C và 2.000.000 đồng tiền xăng xe.

Lần thứ hai: Khoảng đầu tháng 7 năm 2018 (không nhớ ngày) tại nhà N, N nói với L sắp tới có chuyến "hàng" ma túy lớn, L đi cùng C giúp N đưa ma túy về cho N, N trả cho L 100.000.000 đồng. Lúc này C nói với L đi vận chuyển ma túy cho N lấy tiền mà trả nợ, L đồng ý. Vào sáng ngày 03/7/2018, Q điện thoại cho N hẹn gặp tại nhà N. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, Q đến nhà N đưa cho N một túi nilong màu đen đựng tiền và một tờ giấy ghi "15 khô, 01 nước" (N hiểu L 15 bánh heroin và 01 kg ma túy đá). Q nói với N số lượng tiền đủ lấy 15 bánh heroine và 01 kg ma túy đá. Đưa tiền xong Q ra về. N gọi điện nói C đặt mua 15 bánh heroin và 01 kg ma túy đá và nói C đến nhà N lấy tiền mua ma túy. N cũng gọi điện cho L đi cùng C vận chuyển 15 bánh heroin và 01 kg ma túy đá, khi về N sẽ trả tiền C cho L 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Khoảng 15 giờ cùng ngày C đến nhà N nhận 01 túi nilong màu đen đựng tiền, N nói với C bên trong có 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng). Sau khi N đưa tiền cho C xong thì Ng gọi điện cho N nói Ng sẽ đưa tiền đến để N lấy "hàng" (ma túy) cho Ng. N nói với Ng để N đến nhà Ng lấy tiền thì Ng đồng ý. Sau đó N nói với C đi cùng N đến nhà Ng ở xã T, huyện Y để lấy thêm tiền mua ma túy. C cầm tiền đi trước, còn N lấy xe ô tô chở vợ đi sau. Khi đến xã V, huyện Đ thì N đưa xe ô tô vào xưởng H để sửa. C đến xưởng sửa xe chở N đến nhà Ng. Khi đến nhà Ng thì N vào phòng ngủ gặp Ng còn C vào phòng bên cạnh sử dụng ma túy cùng một số người khác (không rõ lai lịch địa chỉ). Tại phòng ngủ của Ng, Ng đưa cho N một túi nilon màu đen đựng tiền và nói với N lấy cho Ng 04 bánh heroine và 03 kg ma túy đá, N đồng ý. Nhận tiền xong thì N gọi C ra về. Trên đường về N nói với C L Ng đặt mua thêm 04 bánh heroin và 03 kg ma túy đá (trong đó có 01 kg ma túy đá Điệp nhờ mua nợ). N tính toán tiền lãi của N và L được 200.000.000 đồng, C được 100.000.000 đồng. N mở túi tiền lấy ra 200.000.000 đồng tiền lãi của N và L cất vào túi quần. Còn số tiền mua ma túy của Q và Ng và số tiền lãi 100.000.000 đồng của C, N bỏ vào một túi nilon màu đen đưa cho C cầm, N nói với C số tiền L 2.970.000.000 đồng. C chở N đến xưởng sửa xe ở xã V, huyện Đ thì dừng lại cho N xuống. C đi xe lên ngã tư đường mòn Hồ Chí Minh thuộc xã K, huyện A mở túi tiền lấy ra 100.000.000 đồng tiền lãi của C đưa cho người phụ nữ tên T (người ở thị xã T, tỉnh N, C quen biết do từng Làm ăn với nhau ở Lào) sau đó C đi về nhà. Khoảng 18 giờ cùng ngày, L đến nhà N lấy tiền C, N chỉ đưa cho L 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) còn lại 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) khi nào L và C đưa ma túy về thì N trả cho L sau. N giữ lại 150.000.000 đồng tiền hưởng lợi mua bán ma túy. L cầm 50.000.000 đồng về đưa cho ông Lô Hoàng T (bố vợ L) trú tại bản C, xã T, huyện T, tỉnh N để trả nợ, số tiền này Cơ quan điều tra đã thu giữ. Khoảng 03 giờ sáng ngày 04/7/2018, Kha Văn C điều khiển xe ô tô Mazda

BKS 37C - 267.76 đến nhà đón Quang Văn L đi theo đường Quốc lộ 8, hướng lên cửa khẩu C, tỉnh H gặp P (người Lào) để mua ma túy. Khi cách cửa khẩu C khoảng 02km, C dừng xe bên đường đợi P đưa ma túy sang. Khoảng 30 phút sau thì P và một người thanh niên đi từ trong rừng đến gần nơi xe C đỗ, C cầm túi tiền bên trong có 2.870.000.000 đồng đến giao cho người thanh niên đi cùng P và nhận một túi nilon màu đen đựng ma túy, người này nói "Hàng đủ rồi". C cầm túi nilon ma túy quay lại xe mở cửa sau nơi L đang ngồi, bỏ xuống sàn xe ô tô và lái xe cùng L quay về. Đi được khoảng 01km, C nói với L mở túi nilong ra kiểm đếm số lượng ma túy, L mở túi nilong đếm được 19 bánh heronie và 04 gói ma túy đá. L nói với C: "Số lượng nhiều hơn anh N nói với cháu". C bảo: "Kệ nó, không sao đâu". L kiểm tra ma túy xong để túi nilong ma túy trên ghế bên cạnh L. C điều khiển xe về đến địa phận xã T, huyện T, tỉnh N thì bị lực lượng C an dừng xe kiểm tra. Sợ bị phát hiện, C tăng ga bỏ chạy, lực lượng chức năng đã dùng súng bắn thủng lốp xe và phá cửa kính ô tô bắt giữ Kha Văn C và Quang Văn L thu giữ trên ghế sau cạnh Quang Văn L ngồi có 19 bánh chất bột màu trắng và 04 gói nilon chứa các hạt tinh thể màu trắng (nghi L ma túy). Sau khi biết Kha Văn C và Quang Văn L bị bắt, Lê Hồng N bỏ trốn đến ngày 03/11/2018 thì bị bắt theo quyết định truy nã.

Tại Kết luận giám định số 923/KL-PC54(MT) ngày 09/7/2018 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N kết luận: "Mười chín mẫu chất bột màu trắng (ký hiệu từ M1 đến M19) thu giữ của Kha Văn C và Quang Văn L gửi tới giám định đều L ma túy (Heroine). Chất bột màu trắng (19 bánh) thu giữ của Kha Văn C và Quang Văn L có tổng khối lượng 6.607,98 gam; Bốn mẫu chất tinh thể màu trắng (ký hiệu từ M20 đến M23) thu giữ của Kha Văn C và Quang Văn L gửi tới giám định đều L ma túy (Methamphetamine). Chất tinh thể màu trắng (04 gói) thu giữ của Kha Văn C và Quang Văn L có tổng khối lượng 3.800,54 gam".

Quá trình điều tra, Kha Văn C, Quang Văn L khai nhận lần thứ nhất vào tháng 6/2018 đã giúp Lê Hồng N mua của P 01 kg ma túy đá và 08 gói ma túy hồng phiến giá 150.000.000 đồng về giao cho N. Gói ma túy đá loại 01 kg có đặc điểm giống gói ma túy đá khi Cơ quan C an bắt quả tang. Vì vậy khối lượng 01 kg ma túy đá được xác định tương đương với 01 gói ma túy (Methamphetamine) thu được trong lần bắt quả tang ngày 04/7/2018 L 950,135 gam cụ thể (3.800,54 gam : 4 = 950,135 gam Methamphetamine). Đối với 08 gói ma túy hồng phiến theo lời khai của C và L không biết khối lượng bao nhiêu, ngoài ra khi bắt quả tang không thu giữ được ma túy hồng phiến do đó không đủ cơ sở để xác định khối lượng của 08 gói ma túy hồng phiến N, C và L mua bán trong lần thứ nhất.

Đối với Lê Hồng N chỉ thừa nhận mua bán ma túy với C và L trong lần thứ hai còn lần thứ nhất N không thừa nhận mua bán ma túy với C và L. Căn cứ

lời khai của Kha Văn C, Quang Văn L, biên bản đối chất, nhận dạng và các tài liệu chứng cứ thu thập được có đủ căn cứ xác định Lê Hồng N cùng Kha Văn C, Quang Văn L đã mua bán trái phép chất ma túy trong lần thứ nhất.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra thu giữ 19 bánh heroine có tổng khối lượng 6.607,98 gam (đã lấy đi giám định 508,97 gam, còn lại 6.099,01 gam); 04 gói nilon đựng 3.800,54 gam ma túy Methamphetamine (đã lấy đi giám định 175,13 gam, còn lại 3625,41 gam) được niêm phong theo quy định; 02 điện thoại di động Nokia 105 màu đen đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J3Pro đã qua sử dụng thu giữ của Kha Văn C; 01 điện thoại di động Nokia 105 đã qua sử dụng thu giữ của Quang Văn L; 02 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, 01 đầu thu camera nhãn hiệu Ajhua đã qua sử dụng thu giữ của Lê Hồng N. Hiện vật chứng được bảo quản tại kho vật chứng Cục thi hành án dân sự tỉnh N. Số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt N thu giữ của Quang Văn L hiện được bảo quản tại Kho bạc nhà nước N theo biên bản giao nhận tài sản ngày 16/10/2018.

Tại Bản án hình sự số 45/2019/HSST ngày 23 tháng 5 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh N đã quyết định:

Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251, điểm s, r, v khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Kha Văn C Tử hình về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251, điểm s, t, v khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Lê Hồng N Tử hình về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251, điểm s, r, khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Quang Văn L tù Chung thân về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/7/2018.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/5/2019, bị cáo Lê Hồng N và Kha Văn C đều có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt (bị cáo Quang Văn L không kháng cáo).

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra C khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, ý kiến tranh luận của các bị cáo, các Luật sư và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, cũng như phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Kha Văn C và Lê Hồng N đều thừa nhận toàn bộ hành vi như Tòa án cấp sơ thẩm quy kết, song riêng bị cáo Lê Hồng N không thừa nhận về khối lượng ma túy như cấp sơ thẩm quy kết đối với bị cáo.

Cũng tại phiên tòa phúc thẩm, cả hai bị cáo đều thay đổi nội dung kháng cáo, từ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt sang kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại vụ án với lý do có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm. Tuy nhiên Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng đồng tình với Tòa án cấp sơ thẩm khi đánh giá chứng cứ cho rằng: Căn cứ vào lời khai của Quang Văn L và Kha Văn C, các biên bản đối chất, nhận dạng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có căn cứ để xác định: Ngay từ lời khai ban đầu của bi cáo Kha Văn C và Quang Văn L đã phù hợp với lời khai của bị cáo Lê Hồng N; tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phúc thẩm, bị cáo Kha Văn C vẫn khẳng định, sau khi bàn bạc, Lê Hồng N điện thoại cho C và L mua ma túy của P về giao cho N, do đó có đủ cơ sở khẳng định Lê Hồng N cùng với Quang Văn L và Kha Văn C cùng tham gia việc mua bán trái phép chất ma túy, cho nên xác định cả 03 bị cáo phải bị quy kết chung cùng về khối lượng ma túy đã mua bán trái phép. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã xác định tổng khối lượng ma túy mà các bị cáo Quang Văn L, Kha Văn C và Lê Hồng N phải chịu trách nhiệm hình sự L 11.358,655 gam, theo đó Tòa án cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm h khoản 4 điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 L có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Như trên đã nêu, tại phiên tòa phúc thẩm, cả hai bị cáo đều thay đổi nội dung kháng cáo, từ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt sang kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại vụ án với lý do, trong quá trình điều tra đã không điều tra một số đối tượng liên quan đến việc mua bán trái phép chất ma túy như Đ, Ng… L có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm.

Về nội dung trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, quá trình điều tra, cơ quan điều tra cũng đã đề cập đến việc xem xét hành vi của các đối tượng mà các bị cáo đưa ra, tuy nhiên do thời hạn điều tra đã hết song chưa chứng minh được hành vi phạm tội của các đối tượng này, cần phải thu thập thêm chứng cứ, tài liệu nên cơ quan điều tra đã tách ra để tiếp tục điều tra, xử lý sau, do đó đây không phải thuộc trường hợp bỏ lọt tội phạm, đồng thời cũng không phải L căn cứ để hủy bản án sơ thẩm, cho nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, mặc dù sau phần tranh luận tại phiên tòa, bị cáo Kha Văn C lại quay lại đề nghị xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

[3] Thêm nữa, quá trình xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, cụ thể: Bị cáo Lê Hồng N có bố và mẹ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến; bị cáo đã

giúp cơ quan chức năng phát hiện tội phạm…nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t, v khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo Kha Văn C khai báo thành khẩn, đầu thú về hành vi phạm tội trước đó, bị cáo có nhân thân tốt; có bố được tặng thưởng nhiều Huân Huy chương các loại... Song xét thấy, các bị cáo mua bán trái phép ma túy với khối lượng đặc biệt lớn (11.358,655 gam) nên vẫn phải áp dụng hình phạt Tử hình đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử không thấy các bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới đáng kể, lại thêm việc các bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo không có căn cứ, cho nên Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng đồng tình quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[4] Các bị cáo kháng cáo nhưng không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào Điều 355 của Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Hồng N và Kha Văn C; giữ nguyên bản án sơ thẩm; cụ thể:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Hồng N và Kha Văn C phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

+ Căn cứ quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251; các điểm s, r, v khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo **Kha Văn C** hình phạt **Tử hình**.

+ Căn cứ quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251; các điểm s, t, v khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo **Lê Hồng N** hình phạt **Tử hình**.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Lê Hồng N và Kha Văn C để đảm bảo thi hành án.

Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày tuyên bản án phúc thẩm, bị cáo Kha Văn C và bị cáo Lê Hồng N được quyền Lm đơn gửi lên Chủ tịch Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để xin ân giảm án tử hình.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Các bị cáo Kha Văn C và Lê Hồng N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ 1);
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- Công an tỉnh N;
- Trại tạm giam CA tỉnh N;
- Các bị cáo (qua trại giam);
- Lưu: HSAV, Phòng HCTP-VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Hồng P